

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29 tháng 10 năm 2021
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Như Quang
2. Ông Trương Thế Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Lê Đức Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 71/2021/TLST-HNGĐ ngày 10-5-2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T; địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T1; địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Trần Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn T1 tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 15-3-2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ia Kha, huyện G, tỉnh Gia Lai. Trong thời gian chung sống vợ chồng hay nảy sinh mâu thuẫn do quan điểm, tính cách không hòa hợp, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã không còn chung sống từ tháng 12-2017 đến nay, không còn khả năng đoàn tụ. Chị T thấy mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn T1 có 01 con chung là cháu Trần Minh K, sinh ngày 29-11-2014. Ly hôn, chị T yêu cầu giao con chung cho chị T được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi và buộc anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 2.000.000 đồng.

- Về chia tài sản chung: Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn Nguyễn Văn T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T1 và chị Trần Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 15-3-2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Trong thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc hay nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, xảy ra cãi vã, vợ chồng đã ly thân để có thời gian suy nghĩ nhưng không thể hàn gắn lại được, không còn ai quan tâm chăm sóc đến nhau. Anh T1 thấy mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn T1 và chị Trần Thị T có 01 con chung là cháu Trần Minh K, sinh ngày 29-11-2014. Anh T1 đồng ý giao con chung cho chị T được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi và anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 2.000.000 đồng.

- Về chia tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ: 01 giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; 01 Bản sao giấy khai sinh; 01 sao sổ hộ khẩu; 02 bản sao giấy chứng minh nhân dân; 01 Bản tự khai ngày 10-5-2021; 01 Bản tự khai ngày 27-8-2021; 01 Đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ngày 27-8-2021; 01 công văn giải trình ngày 26-7-2021; 01 Đơn đề nghị về việc yêu cầu ly hôn vắng mặt; 01 Biên bản xác minh ngày 14-7-2021.

4. Phát biểu ý kiến, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Đối với nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn T1 tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 15-3-2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Chị T và anh T1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc, hay nảy sinh mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau nhiều năm nay, Chị T yêu cầu ly hôn, anh T1 hoàn toàn đồng ý. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa chị T và anh T1 tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn T1 có 01 con chung là Trần Minh K, sinh ngày 29-11-2014. Hội đồng xét xử thấy rằng chị T và anh T1 đều

thống nhất giao con chung cho chị T được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi con thành niên là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị T và anh T1 thống nhất anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung mức 2.000.000 đồng/tháng là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chia tài sản chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn T1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị T là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; anh T1 là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung:

Giao con chung của chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn T1 là cháu Trần Minh K, sinh ngày 29-11-2014 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Buộc anh Nguyễn Văn T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trần Minh K, sinh ngày 29-11-2014 với mức 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng, thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị Trần Thị T là người được nhận tiền cấp dưỡng hàng tháng để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Minh K.

Quyết định về việc cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù Bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các T1 viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: Buộc chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0011924 ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai. Chị Trần Thị T đã nộp đủ tiền án phí; Buộc

anh Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện G;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính